

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
**BĐD HĐQT NGÂN HÀNG
CSXH TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BĐD Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch tín dụng năm 2022
cho các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh**

TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN HĐQT NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 4051/QĐ-CT ngày 04/12/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các văn bản của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội: Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 quy định về việc xây dựng và tổ chức kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tại Công văn số 176/NHCS-KHNV ngày 08/02/2022 về việc đề nghị giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng (KHB) năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2022 (nguồn vốn từ ngân sách địa phương) cho các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

(Có Phụ lục tổng hợp và các phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Thanh Hóa phối hợp với Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành, đơn vị chức năng có liên quan triển khai thực hiện theo quy định.

2. Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố trình Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2022 theo nội dung được phê

duyet tại Điều 1 Quyết định này cho đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện, đảm bảo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội và Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, KTTC (VA6458).

TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Nguyễn Văn Thi

PHỤ LỤC TỔNG HỢP
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Tổng cộng	Tăng chỉ tiêu dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	
			Nguồn vốn ủy thác sử dụng cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các ĐTCS khác	Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm cho người lao động trở về từ vùng dịch (theo PA 198)
1	Hoảng Hoá	700	700	
2	Hậu Lộc	700	700	
3	Nga Sơn	700	700	
4	Nghi Sơn	1.000		1.000
5	Quảng Xương	1.000	500	500
6	Thọ Xuân	1.000		1.000
7	Yên Định	1.000	500	500
8	Đông Sơn	1.500		1.500
9	Triệu Sơn	1.000		1.000
10	Nông Cống	2.000	500	1.500
11	Vĩnh Lộc	500	500	
12	Hà Trung	500	500	
13	Cẩm Thủy	700	700	
14	Thạch Thành	1.000	500	500
15	Quan Hoá	200	200	
16	Bá Thước	300	300	
17	Lang Chánh	200	200	
18	Ngọc Lặc	500	500	
19	Thường Xuân	500	500	
20	Như Thanh	1.000		1.000
21	Hội Sở tỉnh	700	700	
22	Bỉm Sơn	800	800	
23	Quan Sơn	200	200	
24	Thiệu Hoá	1.000		1.000
25	Như Xuân	1.000	500	500
26	Sầm Sơn	1.000	1.000	
Cộng		20.700	10.700	10.000

PHỤ LỤC SỐ 01
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN HOÀNG HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	700
1	Nguồn vốn ủy thác sử dụng cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các DTCS khác	700

PHỤ LỤC SỐ 02
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN HẬU LỘC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	700
1	Nguồn vốn ủy thác sử dụng cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các DTCS khác	700

PHỤ LỤC SỐ 03
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN NGA SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	700
1	Nguồn vốn ủy thác sử dụng cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các DTCS khác	700

PHỤ LỤC SỐ 04
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH THỊ XÃ NGHI SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	1.000
1	Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm cho người lao động trở về từ vùng dịch (theo PA 198)	1.000

PHỤ LỤC SỐ 05
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	1.000
1	Nguồn vốn ủy thác sử dụng cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các DTCS khác	500
2	Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm cho người lao động trở về từ vùng dịch (theo PA 198)	500

PHỤ LỤC SỐ 06
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN THỌ XUÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	1.000
1	Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm cho người lao động trở về từ vùng dịch (theo PA 198)	1.000

PHỤ LỤC SỐ 07
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN YÊN ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	1.000
1	Nguồn vốn ủy thác sử dụng cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các DTCS khác	500
2	Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm cho người lao động trở về từ vùng dịch (theo PA 198)	500

PHỤ LỤC SỐ 08
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN ĐÔNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	1.500
1	Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm cho người lao động trở về từ vùng dịch (theo PA 198)	1.500

PHỤ LỤC SỐ 09
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN TRIỆU SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	1.000
1	Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm cho người lao động trở về từ vùng dịch (theo PA 198)	1.000

PHỤ LỤC SỐ 10
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN NÔNG CỐNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	2.000
1	Nguồn vốn ủy thác sử dụng cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các DTCS khác	500
2	Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm cho người lao động trở về từ vùng dịch (theo PA 198)	1.500

PHỤ LỤC SỐ 11
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN VĨNH LỘC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	500
1	Nguồn vốn ủy thác sử dụng cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các DTCS khác	500

PHỤ LỤC SỐ 12
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN HÀ TRUNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	500
1	Nguồn vốn ủy thác sử dụng cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các DTCS khác	500

PHỤ LỤC SỐ 13
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN CẨM THỦY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	700
1	Nguồn vốn ủy thác sử dụng cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các DTCS khác	700

PHỤ LỤC SỐ 14
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN THẠCH THÀNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	1.000
1	Nguồn vốn ủy thác sử dụng cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các DTCS khác	500
2	Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm cho người lao động trở về từ vùng dịch (theo PA 198)	500

PHỤ LỤC SỐ 15
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN QUAN HOÁ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	200
1	Nguồn vốn ủy thác sử dụng cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các DTCS khác	200

PHỤ LỤC SỐ 16
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN BÁ THƯỚC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	300
1	Nguồn vốn ủy thác sử dụng cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các DTCS khác	300

PHỤ LỤC SỐ 17
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN LANG CHÁNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	200
1	Nguồn vốn ủy thác sử dụng cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các DTCS khác	200

PHỤ LỤC SỐ 18
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN NGỌC LẶC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	500
1	Nguồn vốn ủy thác sử dụng cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các DTCS khác	500

PHỤ LỤC SỐ 19
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN THƯỜNG XUÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	500
1	Nguồn vốn ủy thác sử dụng cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các DTCS khác	500

PHỤ LỤC SỐ 20
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN NHƯ THANH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	1.000
1	Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm cho người lao động trở về từ vùng dịch (theo PA 198)	1.000

PHỤ LỤC SỐ 21
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA HỘI SỞ NHCSXH TỈNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	700
1	Nguồn vốn ủy thác sử dụng cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các DTCS khác	700

PHỤ LỤC SỐ 22
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH THỊ XÃ BỈM SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	800
1	Nguồn vốn ủy thác sử dụng cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các DTCS khác	800

PHỤ LỤC SỐ 23
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN QUAN SƠN
Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	200
1	Nguồn vốn ủy thác sử dụng cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các DTCS khác	200

PHỤ LỤC SỐ 24
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN THIỆU HOÁ
Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	1.000
1	Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm cho người lao động trở về từ vùng dịch (theo PA 198)	1.000

PHỤ LỤC SỐ 25
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH HUYỆN NHƯ XUÂN
Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	1.000
1	Nguồn vốn ủy thác sử dụng cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các DTCS khác	500
2	Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm cho người lao động trở về từ vùng dịch (theo PA 198)	500

PHỤ LỤC SỐ 26
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2022
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH NHCSXH THÀNH PHỐ SÀM SƠN
Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2022
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương (KHB)	1.000
1	Nguồn vốn ủy thác sử dụng cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các DTCS khác	1.000